

Kính gửi: UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/ 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh;

Thực hiện Công văn số 2412/UBND-TH, ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Để thực hiện tốt việc lập dự toán năm 2023; Chủ tịch UBND huyện Bắc Bình đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt nam huyện, các đoàn thể huyện và Văn phòng Huyện ủy thực hiện các nội dung chính sau:

Để thực hiện tốt việc lập dự toán 2023; Chủ tịch UBND huyện Bắc Bình yêu cầu Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thực hiện các nội dung chính sau:

I. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2022:

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN: Căn cứ kết quả thu NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến khả năng thực hiện 6 tháng cuối năm.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương:

Căn cứ kết quả chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2022, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương năm 2022 theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Điều 14 Thông tư số 47/2022/TT-BTC, những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện, nêu rõ lý do trong trường hợp thực hiện không đạt dự toán được giao.

II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2023:

Việc xây dựng dự toán thu, chi ngân sách địa phương phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và giai đoạn 2022 - 2025 theo các Nghị quyết của Đảng và Hội đồng nhân dân các cấp.

1. Đối với dự toán thu NSNN:

Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn rà soát, lập dự toán thu NSNN tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu, không dành dư để địa phương tự quy định giao chỉ tiêu phần đầu thu; phân tích đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2022 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, khoản thu, sắc thuế, trong đó tập trung đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai, xu hướng phục hồi sản xuất kinh doanh sau dịch Covid-19 tác động ngân sách do thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế.

2. Đối với dự toán chi ngân sách địa phương:

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023 theo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, các Luật có liên quan; các quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN năm 2023 do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, gắn với việc triển khai chủ trương.

Các địa phương xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính Điều 14 Thông tư số 47/2022/TT-BTC; trong đó lưu ý một số nội dung, như sau:

2.1. Quỹ lương:

- Số biên chế được giao năm 2023. Tạm tính định biên số lượng cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng theo chỉ tiêu được giao năm 2022 làm cơ sở để tính lương; trong đó, làm rõ số biên chế thực tế có mặt đến thời điểm 01 tháng 8 năm 2022 (*có photo gửi kèm theo báo cáo để đối chiếu*), số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu biên chế năm 2023 nêu trên.

- Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) năm 2023 theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo; trên cơ sở đó xác định cụ thể các tác động tăng hoặc giảm quỹ lương năm 2023 so với năm 2022, bao gồm:

Quỹ tiền lương theo chỉ tiêu biên chế được giao năm 2023 hoặc theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01/8/2022, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển (nhưng vẫn trong tổng mức biên chế được giao), tính trên cơ sở lương 1.490.000 đồng/tháng và hệ số lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định.

2.2. Chi thường xuyên theo định mức phân bổ chi hoạt động quản lý hành chính: Khoản chi hoạt động thường xuyên theo định mức quy định tại Nghị quyết 12/2021/NQ-HĐND: 16,5 triệu đồng/biên chế/năm.

2.3. Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2023 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

2.4. Đối với chi an ninh, quốc phòng: lập dự toán đầy đủ các chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ, bảo vệ dân phố theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Đề án, Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng tại địa phương...

2.5. Đối với các hội quần chúng: Thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 2565/UBND-NCKSTTHC ngày 13/7/2020 về việc thực hiện Kế hoạch số 184-KH/TU ngày 24/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trong đó kinh phí nhà nước giao cho các hội bao gồm kinh phí theo biên chế được giao (nếu có) và kinh phí theo nhiệm vụ Nhà nước giao (thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BTC ngày 06/01/2011 của Bộ Tài chính quy định việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Nhà nước cho hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao; việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội; quản lý việc tiếp nhận, sử dụng các nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài cho hội).

2.6. Bố trí dự phòng ngân sách địa phương theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước (từ 2% - 4% tổng chi ngân sách địa phương mỗi cấp) để chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán.

2.7. Ngoài các biểu tổng thu, chi theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các đơn vị bổ sung các biểu chi tiết kèm theo Công văn này (*giao Phòng Tài chính – Kế hoạch gửi biểu mẫu*).

3. Chi đặc thù của đơn vị:

- Chi tổ chức Đại hội:
- Chi mua sắm:
- Chi tổ chức tập huấn:

.....

4. Kiến nghị (nếu có):

.....

III. Tổ chức thực hiện:

Để phục vụ công tác tổng hợp dự toán NSNN năm 2023, theo đúng quy định, Chủ tịch UBND huyện yêu cầu:

- Chi ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện khi đã có trong dự toán ngân sách được giao; việc lập dự toán năm 2023, phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện theo đúng nội dung nêu trên;

- Thời gian gửi báo cáo về UBND huyện (thông qua Phòng Tài chính – Kế hoạch) **trước ngày 23/8/2022;**

- Giao trách nhiệm Phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp báo cáo UBND huyện trước **ngày 30/8/2022**. Trong trường hợp các đơn vị chậm nộp báo cáo hoặc không nộp báo cáo, Chủ tịch UBND huyện yêu cầu Phòng Tài chính – Kế hoạch tham mưu văn bản xử lý trách nhiệm cụ thể từng trường hợp theo quy định.

- Việc thực hiện dự toán năm 2023, trên cơ sở dự toán được lập, được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chủ tịch UBND huyện yêu cầu Phòng Tài chính – Kế hoạch không tham mưu UBND huyện cấp kinh phí đối với các trường hợp bổ sung ngoài dự toán chi năm 2023, trừ trường hợp đặc biệt (có giải trình cụ thể).

Yêu cầu Chủ tịch UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu.

CHỦ TỊCH

Mai Văn Vụ

Đơn vị

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Dự toán năm 2023
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
	TỔNG THU NSNN				
I	Thu nội địa				
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
1.1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý				
1.2.	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý				
	- Thuế giá trị gia tăng				
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước				
	<i>Trong đó: Thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>				
	- Thuế tài nguyên				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh				
	- Thuế giá trị gia tăng				
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt				
	<i>Trong đó: Thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>				
	- Thuế tài nguyên				
4	Thuế thu nhập cá nhân				
5	Thuế bảo vệ môi trường				
	<i>Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>				
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước				
6	Lệ phí trước bạ				
7	Các loại phí, lệ phí				
	Phí, lệ phí Trung ương				
	Phí, lệ phí tỉnh				
	Phí, lệ phí huyện				
	Phí, lệ phí xã				

	Lệ phí môn bài				
	<i>Trong đó: - Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>				
8	Các khoản thu về tài sản, nhà, mặt đất, mặt nước, mặt biển				
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước				
	- Thu tiền sử dụng đất				
	- Thu tiền sử dụng khu vực biển				
	<i>Trong đó: + Thuộc thẩm quyền giao của trung ương</i>				
	<i>+ Thuộc thẩm quyền giao của địa phương</i>				
	- Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất				
	<i>Trong đó: + Thu do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Trung ương quản lý</i>				
	<i>+ Tiền do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương quản lý</i>				
	- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước sau khi bù đắp các chi phí theo quy định				
	<i>Trong đó: + Thu do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc trung ương xử lý</i>				
	<i>+ Thu do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương xử lý</i>				
	- Thu từ tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách				
	<i>Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương</i>				
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
	<i>Trong đó: - Thu từ các mỏ do Trung ương cấp</i>				
	<i>- Thu từ các mỏ do địa phương cấp</i>				
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác				
13	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận sau thuế				
	- Thu từ doanh nghiệp do Trung ương quản lý				
	- Thu từ doanh nghiệp do địa phương quản lý				
II	Thu từ dầu thô				

Đơn vị

THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM

DVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung các khoản chi	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh		
					UTH2021/ DT2021	DT2022 /UTH20 21	DT2022 /DT2021
A	B	2	3	4			
	Tổng chi ngân sách						
A	Chi cân đối ngân sách						
I	Chi đầu tư phát triển						
a	Chi XDCB Tập trung						
b	Chi XDCB từ nguồn thu tiền sử dụng đất						
II	Chi thường xuyên						
1	Chi sự nghiệp kinh tế						
a	Chi sự nghiệp nông, lâm, ngư nghiệp						
b	Chi Trung tâm kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp						
c	Chi sự nghiệp giao thông						
d	Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính						
e	Sự nghiệp khác						
2	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề						
	- Chi sự nghiệp giáo dục						
	- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề						
4	Chi sự nghiệp Văn hoá Thông tin						
5	Chi sự nghiệp thông tin, truyền thông						
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
7	Chi bảo vệ xã hội						
8	Chi sự nghiệp môi trường						
9	Chi quản lý hành chính						

a	Khoán quỹ lương						
b	Khoán chi hoạt động						
c	Chi Hội đồng nhân dân						
d	Chi quản lý nhà nước						
đ	Chi khối Đảng						
e	Chi khối đoàn thể, Hội, quần chúng						
10	Chi quốc phòng - an ninh						
	- Chi quốc phòng						
	- Chi an ninh						
11	Chi khác ngân sách						
12	Chi từ nguồn thu phạt vi phạm hành chính						
III	Chi dự phòng						
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên						
V	Chi từ nguồn tăng thu						
B	Chi chuyển nguồn						